

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN
TỈNH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án: 112/2024/DS-ST
Ngày: 26-8-2024
“V/v Tranh chấp hợp đồng
dịch vụ”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN, TỈNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Huỳnh Thị G

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Minh C

2. Ông Trần Văn Đ

- Thư ký phiên tòa: Ông Cao Chánh N - Thư ký Toà án nhân dân huyện

- Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện tham gia phiên tòa: Bà Phan Thị H - Kiểm sát viên

Ngày 26 tháng 08 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện, tỉnh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 137/2024/TLST-DS ngày 15 tháng 4 năm 2024 về việc “Tranh chấp hợp đồng dịch vụ” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 127/2024/QĐXXST-DS ngày 15 tháng 7 năm 2024 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Nguyễn Ngọc K, sinh năm 1996; Địa chỉ: C ấp C, xã H, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh. (vắng mặt, có đơn xin vắng mặt)

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Minh H, sinh năm 1986; Địa chỉ: ấp P, xã P, huyện C, tỉnh. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện cùng lời trình bày của nguyên đơn, nội dung vụ án như sau:

Vào đầu tháng 11/2022, ông với ông Trần Văn Q là chỗ quen biết, ông Q là công chức tại UBND xã P có giới thiệu ông cho ông Nguyễn Minh H nhận làm dịch vụ giấy tờ lên đất thổ cư cho diện tích đất trồng cây hàng năm của ông ở xã P. Thửa đất số 1562, tờ bản đồ số 3 tại ấp P, xã P, huyện C, tỉnh.

Do tin tưởng ông Q làm việc trong Ủy ban xã P nên đến ngày 17/11/2022 tại quán cà phê M (ngã tư G, thị trấn C) ông đã ký hợp đồng đặt cọc với ông Nguyễn Minh H để làm hồ sơ lên đất thổ cư 400m² với số tiền phí dịch vụ là 220 triệu đồng, ông H nhận trước ½ số tiền là 110 triệu đồng.

Hợp đồng có sự làm chứng của ông Trần Văn Q và ông Đỗ Thanh T, thời hạn hoàn thành việc chuyển mục đích sử dụng đất là 06 tháng kể từ ngày ký hợp đồng. Trong thời gian đó ông thường xuyên liên lạc với ông H và ông Q thì được trả lời là giấy tờ đất hợp lệ, không gặp trở ngại gì cả. Đến đầu tháng 5/2023 ông H có báo với ông do diện tích đất của ông là 466m² nên không thể lên đất thổ với diện tích 400m² mà phải lên đất thổ toàn bộ diện tích mới được và thương lượng với ông thêm 30 triệu nữa tổng cộng là 250 triệu, ông cũng đã đồng ý.

Ngày 05/5/2023 ông H đề nghị ứng thêm 50 triệu để lo phần diện tích phát sinh. Ông đồng ý cho ứng thêm, tổng cộng số tiền ông H đã nhận là 160.000.000 đồng. Đến ngày 12/6/2023 ông đem GCNQSDĐ giao cho ông K1 (ông khương là người cùng làm chung với ông H) để đi nộp và hẹn tối đa trong vòng 1,5 tháng là xong. Tuy nhiên sau đó thì ông H và ông K1 hứa hẹn lại rất nhiều lần cho đến nay không hoàn thành, GCNQSDĐ thì ông K1 đã giao trả lại cho ông nhưng tiền thì ông H không trả lại. Nay yêu cầu ông H hoàn trả lại số tiền đã nhận 160.000.000 đồng, không yêu cầu gì thêm.

Bị đơn ông Nguyễn Minh H: Từ khi thụ lý vụ án, Tòa án đã thực hiện tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng mời tham gia hòa giải nhưng ông H không đến tham dự và không có ý kiến đối với yêu cầu ông K do đó Tòa án không thể hòa giải được và đưa vụ án ra xét xử.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật: Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng như sau: Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện nhận xét quá trình thụ lý, giải quyết vụ án, thu thập chứng cứ, đưa ra xét xử, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã tuân thủ đúng trình tự thủ tục, người tham gia tố tụng chấp hành đúng quy định Bộ luật Tố tụng dân sự.

Đề nghị xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Ngọc K. Buộc ông Nguyễn Minh H hoàn trả cho ông K 160.000.000 đồng tiền tạm ứng chi phí dịch vụ chuyển mục đích sử dụng đất.

Ông H phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thẩm quyền:

Nguyên đơn ông Nguyễn Ngọc K khởi kiện tranh chấp hợp đồng dịch vụ với bị đơn ông Nguyễn Minh H, ông H có nơi cư trú tại xã P, huyện C, tỉnh nên vụ án thuộc thẩm quyền quyết của Tòa án nhân dân huyện theo quy định tại khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015.

[2] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn ông Nguyễn Minh H đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ thủ tục tham gia phiên tòa 2 lần nhưng vắng mặt. Nguyên đơn ông Nguyễn Ngọc K có đơn xin vắng mặt. Căn cứ điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt ông K và ông H.

[3] Về nội dung vụ án:

Ngày 17/11/2022 ông Nguyễn Ngọc K có ký hợp đồng đặt cọc với ông Nguyễn Minh H để thực hiện hợp đồng dịch vụ, theo đó ông H nhận làm thủ tục chuyển mục đích sử dụng thửa đất 1562 tờ bản đồ số 3 diện tích 466m² tại xã P cho ông K với số tiền 220.000.000 đồng. Ông K có tạm ứng cho ông H 110.000.000 đồng chi phí dịch vụ, thời hạn ông H thực hiện công việc là 06 tháng kể từ ngày 17/11/2022, đến ngày 05/5/2023 ông K có giao thêm cho ông H 50.000.000 đồng nữa, tổng cộng 160.000.000 đồng. Cho đến nay, ông H không thực hiện được nên ông K yêu cầu ông H trả lại số tiền đã nhận.

[3.1] Xét yêu cầu của ông K thấy rằng: Khi khởi kiện ông K có nộp chứng cứ Hợp đồng đặt cọc ngày 17/11/2022 bên đặt cọc ông Nguyễn Ngọc K bên nhận cọc là ông Nguyễn Minh H có nội dung bên A (ông K) đặt cọc bên B (ông H) 110.000.000 đồng, mục đích bên B nhận giải quyết hồ sơ bên A lên thổ cư 400m² thửa đất 1562 tờ bản đồ số 3 xã P, thời hạn 06 tháng kể từ ngày 17/11/2022, tiền phí dịch vụ là 220.000.000 đồng. Phần phía sau có thể hiện ngày 05/5/2023 có nhận thêm 50 triệu nữa, bên đặt cọc và bên nhận cọc có ký tên xác nhận cùng với chữ ký xác nhận của người chứng kiến là ông Trần Văn Q và Đỗ Thanh T.

[3.2] Tại Biên bản làm việc ngày 15/7/2024 ông Trần Văn Q có trình bày: Do quen biết với ông K nên ông Q có giới thiệu ông H cho ông K để hai bên làm hồ sơ chuyển mục đích sử dụng đất. Ngày 17/11/2022 thì ông K và ông H có thỏa thuận chuyển mục đích sử dụng thửa đất 1562, tờ bản đồ số 3, diện tích 466m² loại đất vườn thành đất thổ cư, đất của ông K tại ấp P, xã P, huyện C, diện tích ông H nhận chuyển thổ là 400m², với giá tiền là 220.000.000 đồng, thời hạn hoàn thành hợp đồng là 06 tháng, còn tiền thuế là ông K đóng. Sau khi ký hợp đồng đặt cọc thì ông K có giao cho ông H 110.000.000 đồng, ông có chứng kiến việc giao nhận tiền. Thời gian sau thì có nghe ông H và ông K nói là ông H có nhận thêm 50.000.000 đồng chứ không có chứng kiến giao tiền. Lý do mà không thực hiện được việc chuyển mục sử dụng đất cho ông K là vì sau khi nhận làm dịch vụ cho ông K về thì ông H giao lại cho ông K1 làm, nghe ông H nói ông K1 vỡ nợ bỏ trốn không làm được.

Từ các chứng cứ mà ông K cung cấp và lời trình bày của ông Q có đủ căn cứ

chứng minh ông H có nhận số tiền 160.000.000 đồng của ông K để làm thủ tục chuyển mục đích sử dụng 400m² đất của ông K nhưng ông H không thực hiện được. Vì vậy chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông K, buộc ông H hoàn trả cho ông K 160.000.000 đồng.

[4.] Về án phí: ông Nguyễn Minh H phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; Điều 39; Điều 74, Điều 147; Điều 227, 228; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 513, 516, 519 Bộ luật Dân sự;

Áp dụng Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

[1.] Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Ngọc K khởi kiện tranh chấp hợp đồng dịch vụ với ông Nguyễn Minh H.

Buộc ông Nguyễn Minh H hoàn trả cho ông Nguyễn Ngọc K số tiền 160.000.000 đồng tạm ứng phí dịch vụ để thực hiện chuyển mục đích sử dụng đất.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn chịu thêm khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

[2.] Về án phí: Ông Nguyễn Minh H phải chịu 8.000.000 án phí dân sự sơ thẩm.

H1 lại cho ông Nguyễn Ngọc K số tiền 4.000.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí số 0011377 ngày 15 tháng 4 năm 2024 của Chi cục Thi hành án Dân sự .

[3.] Đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

[4.] Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh ;
- VKSND huyện ;
- THADS huyện ;
- Các đương sự;
- Lưu VT, hồ sơ vụ án;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Huỳnh Thị G